TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HN-PT
Ngày: 22/3/2018
V/v "Xác định cha cho con, cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương
Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Bình
Ông Nguyễn Văn Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Loan - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Ông Nguyễn Thanh Mến – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2018/TLPT-HNGĐ ngày 22/01/2018 về việc "Xác định cha cho con, cấp dưỡng nuôi con"

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 48/2017/HN-ST ngày 22/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐ-PT ngày 9 tháng 3 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm: 1988;
Địa chỉ thường trú: Tổ 05, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. (Có mặt).
Địa chỉ tạm trú: Trường THPT N, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Trịnh Vinh C, sinh năm: 1987;
Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. (Có mặt).

Người kháng cáo nguyên đơn chị Lê Thị D; bị đơn anh Trịnh Vinh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:***

Chị và anh Trịnh Vinh C tự nguyện chung sống từ năm 2013 có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Do không chung sống với nhau được nên đã đề nghị Tòa án giải quyết, tại Bản án số 13/2017/HNGĐ-ST ngày

31/3/2017 của TAND huyện P, tỉnh Bình Phước đã tuyên bố không công nhận chị Lê Thị D và anh Trịnh Vinh C là vợ chồng.

Trong thời gian chung sống, chị D và anh C có một người con chung là Lê Gia P, sinh ngày 12/01/2014. Cháu Lê Gia P từ khi sinh ra cho đến nay do chị D nuôi dưỡng.

Chị D khởi kiện đề nghị Tòa án xác định cháu Lê Gia P là con của chị và anh Trịnh Vinh C; đồng thời đề nghị Tòa án buộc anh Trịnh Vinh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng từ ngày 12/01/2014 cho đến khi cháu Lê Gia P trưởng thành. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị thay đổi một phần yêu cầu, buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ ngày 12/01/2014 đến khi cháu P trưởng thành đủ 18 tuổi.

**** Bị đơn anh Trịnh Vinh C trình bày:***

Anh Trịnh Vinh C thừa nhận về thời gian chung sống và việc Tòa án giải quyết không công nhận các bên là vợ chồng như chị Lê Thị D đã trình bày. Anh thừa nhận cháu Lê Gia P là con đẻ của anh và chị Lê Thị D, sinh ra trong thời kỳ chung sống như vợ chồng. Anh xác định trong thời kỳ chung sống như vợ chồng và khi ly hôn do mâu thuẫn gia đình quá trầm trọng nên chị Lê Thị D đã không cho anh Trịnh Vinh C nhận cháu Lê Gia P là con và khai sinh lấy họ theo họ mẹ.

Đối với yêu cầu khởi kiện cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị Lê Thị D: Anh xác định mức cấp dưỡng nói trên là quá cao, vượt quá thu nhập của mình. Anh C chỉ đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.300.000 đồng, tính từ ngày 01/11/2017 đến khi cháu Lê Gia P trưởng thành.

Tại bản án hôn nhân sơ thẩm số 48/2017/HN-ST ngày 22/11/2017 của Toà án nhân dân huyện P tuyên xử:

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Lê Thị D và anh Trịnh Vinh C. Xác định cháu Lê Gia P, sinh ngày 12/01/2014 là con ruột của chị Lê Thị D và anh Trịnh Vinh C.

Giao cháu Lê Gia P cho chị Lê Thị D được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lê Gia P trưởng thành.

Mức cấp dưỡng, thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh Trịnh Vinh C cấp dưỡng nuôi cháu Lê Gia P mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Lê Gia P trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 12/10/2017 đến khi cháu Lê Gia P trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/11/2017, nguyên đơn chị Lê Thị D có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm số 48/2017/HNGĐ-ST ngày 22/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước. Buộc anh Trịnh Vinh C phải thanh toán tiền cấp dưỡng nuôi cháu Lê Gia P từ khi sinh ra

ngày 12/01/2014 cho đến ngày 12/10/2017 là 45 tháng với số tiền là 45 tháng x 1.500.000 đồng/tháng = 67.500.000 đồng.

Ngày 30/11/2017, bị đơn anh Trịnh Vinh C có đơn kháng cáo không đồng ý với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ/tháng như bản án sơ thẩm đã tuyên. Anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước hạ mức cấp dưỡng xuống 1.000.000đ/tháng. Ngoài ra, anh C còn yêu cầu được nhận cháu P về nuôi mà không cần chị D cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của anh C, không chấp nhận kháng cáo của chị D, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số: 48/2017/ST-HNGĐ ngày 22/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện P.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của anh C yêu cầu được nhận nuôi cháu Lê Gia P mà không cần chị D cấp dưỡng, thấy rằng: Từ khi được sinh ra cháu P được chị D một mình chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu P cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp nên kháng cáo của anh C về phần này là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của anh C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước hạ mức cấp dưỡng xuống từ 1.500.000đ/tháng xuống 1.000.000đ/tháng, thấy rằng: Theo Biên bản xác minh của TAND huyện P (BL33) thì chi phí trung bình để chăm sóc, nuôi dưỡng một đứa trẻ độ tuổi như cháu P cần 3.000.000đ/tháng. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.500.000đ (3.000.000đ : 2 người = 1.500.000đ/người) là phù hợp. Bởi lẽ, anh C là giáo viên có thu nhập ổn định, mức lương hàng tháng là 4.666.220 đồng (BL18), do đó kháng cáo của anh C đề nghị giảm mức cấp dưỡng xuống là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của chị Lê Thị D về việc buộc anh Trịnh Vinh C phải trả lại số tiền mà chị D một mình đã bỏ ra để cấp dưỡng nuôi cháu Lê Gia P từ khi sinh ngày 12/01/2014 cho đến ngày 12/10/2017 (ngày chị làm đơn khởi kiện) là 45 tháng với số tiền là 45 tháng x 1.500.000 đồng/tháng = 67.500.000 đồng, thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm anh C thừa nhận cháu P là con của mình, từ khi sinh ra đến nay cháu P do chị D nuôi dưỡng, là do anh C chưa được xác nhận là cha hợp pháp của cháu P, mặc dù vậy nhưng khi chị D sinh anh C có đưa cho chị D 05 triệu đồng để chị chuẩn bị sinh. Sau đó anh C có đưa cho chị D mỗi năm trung bình 05 tháng, mỗi tháng 01 triệu đồng tiền cấp dưỡng nuôi con. Còn chị D chỉ thừa nhận anh C có đưa cho chị D 05 triệu đồng để chị chuẩn bị sinh và anh C chỉ đưa cho chị D ba lần mỗi lần 01 triệu đồng.

Xét theo quy định tại Điều 82, 83; khoản 24 Điều 3, Điều 107, 110, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 281 Bộ luật dân sự năm 2005 thì nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con chưa thành niên được phát sinh từ khi người con được sinh ra. Việc cấp dưỡng nuôi con là quyền và là nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con. Cháu Lê Gia P là con chung của chị Lê Thị D và anh Trịnh Vinh C, nhưng từ khi cháu P sinh

ra là ngày 12/01/2014 cho đến ngày 12/10/2017 (ngày chị D làm đơn khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng) một mình chị D chăm sóc, nuôi dưỡng và chi trả các khoản chi phí nuôi con. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu buộc anh C hoàn trả lại số tiền chi phí mà chị D bỏ ra để nuôi cháu P từ ngày sinh ra 12/01/2014 cho đến ngày 12/10/2017 (ngày chị D làm đơn khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng) là không phù hợp làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị D. Do đó cần chấp nhận một phần kháng cáo của chị D, buộc anh C phải hoàn trả lại cho chị D ½ của số tiền 02 triệu đồng/tháng mà chị D đã bỏ ra nuôi con tính từ ngày 12/01/2014 cho đến ngày 12/10/2017 như sau: 45 tháng x 1.000.000 đồng/tháng = 45.000.000 đồng.

Anh C trình bày mỗi năm trung bình anh C đã cấp dưỡng 05 tháng, mỗi tháng 01 triệu đồng cho chị D nuôi con. Nhưng anh C không có tài liệu chứng cứ chứng minh, chị D chỉ thừa nhận có nhận của anh C 03 lần mỗi lần 01 triệu đồng tiền cấp dưỡng nuôi con, nên chỉ có cơ sở chấp nhận anh C có cấp dưỡng nuôi con cho chị D được 03 tháng, mỗi tháng 1.000.000đ, tổng cộng là 3.000.000đ, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 45.000.000đ cấp dưỡng nuôi con mà anh C phải hoàn trả lại cho chị D (45.000.000đ – 3.000.000đ)= 42.000.000đ.

Riêng số tiền 5.000.000đ anh C đưa cho chị D, đây là chi phí sinh đẻ nên anh C không được trừ vào số tiền cấp dưỡng nuôi con.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị không chấp nhận kháng cáo xin giảm mức cấp dưỡng của anh C là có căn cứ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị D yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con từ ngày 12/01/2014 cho đến ngày 12/10/2017, là không có căn cứ.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí Hôn nhân phúc thẩm: Anh Trịnh Vinh C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trịnh Vinh C.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị D.

Sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 48/2017/HN-ST ngày 22/11/2017 của Toà án nhân dân huyện P.

Áp dụng các Điều 3, 14, 68, 69, 71, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 281 Bộ luật dân sự năm 2005.

[1] Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Lê Thị D và anh Trịnh Vinh C. Xác định cháu Lê Gia P, sinh ngày 12/01/2014 là con ruột của chị Lê Thị D và anh Trịnh Vinh C.

Giao cháu Lê Gia P cho chị Lê Thị D được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lê Gia P đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[2] Buộc anh Trịnh Vinh C phải hoàn trả tiền cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lê Gia P cho chị Lê Thị D từ ngày 12/01/2014 đến 12/10/2017 là: 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng).

[3] Buộc anh Trịnh Vinh C phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lê Gia P cho chị Lê Thị D mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Lê Gia P đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời gian bắt đầu tính cấp dưỡng tính từ ngày 12/10/2017 (Ngày chị D khởi kiện).

[4] Án phí Hôn nhân sơ thẩm: Anh Trịnh Vinh C phải chịu 300.000 đồng. Chị Lê Thị D không phải chịu, Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho chị D số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0014898 ngày 12/10/2017.

[5] Án phí Hôn nhân phúc thẩm: Anh Trịnh Vinh C phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp theo biên lai số 0005554 ngày 30/11/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

[6] Kể từ ngày bản án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Khương